

The Saigon International
University



Khóa luận
tốt nghiệp

BÁO CÁO
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngành

Chuyên ngành

Quản trị kinh doanh

Kinh Tế Đối Ngoại

Đề tài:

***Những giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả cho qui trình giao
nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH
TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM***

Giảng viên hướng dẫn

Bùi Nguyên Khánh

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Ngọc Kiều Dung

Mã số sinh viên

64012001908



**The Saigon
International
University**

Lewis Campus

Email: admission@siu.edu.vn

Website: www.siu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi và những nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn trung thực.

Những số liệu, bảng biểu phục vụ cho việc phân tích và dẫn dắt đề tài này được thu thập từ công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM cung cấp và cho phép đưa vào luận văn

LỜI CẢM ƠN

Lời nói đầu cho em xin phép gửi lời cảm ơn chân thành đối với các Thầy/Cô của Trường Đại Học Quốc tế Sài Gòn đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức, kinh nghiệm quý báu trong suốt quá trình học tập tại trường để vận dụng tốt hơn vào công việc sau này.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến thầy Bùi Nguyên Khánh người đã luôn tận tình hướng dẫn cũng như bổ sung và sửa chữa những sai sót trong quá trình em thực hiện báo cáo.

Đồng thời, em cũng xin được gửi lời cảm ơn tới Giám Đốc và các anh chị đang công tác tại Công Ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM. Đặc biệt là bên bộ phận chứng từ những người luôn nhiệt tình dành tất cả các khoảng thời gian quý báu của mình để giúp đỡ em trong việc thu thập, tìm tài liệu cũng như chỉ dẫn cho em những bài học, kinh nghiệm sống và làm việc để ngày hôm nay em có được một bài báo cáo thực tập xác thực và hoàn thiện.

Cuối lời, em xin kính chúc toàn thể Quý Thầy/Cô Trường Đại Học Quốc tế Sài Gòn dồi dào sức khỏe, hoàn thành tốt công tác giảng dạy. Kính chúc Ban lãnh đạo cùng toàn thể các anh chị trong công ty Trans-Global hoàn thành xuất sắc công việc, luôn gặt hái được nhiều thành công trong tương lai.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2024

Sinh viên thực hiện

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	<i>i</i>
LỜI CẢM ƠN	<i>ii</i>
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	<i>vii</i>
DANH MỤC HÌNH ẢNH VÀ SƠ ĐỒ	<i>vii</i>
DANH MỤC BẢNG	<i>viii</i>
LỜI MỞ ĐẦU	<i>1</i>
1. Tính cấp thiết của luận văn	<i>1</i>
2. Mục tiêu nghiên cứu	<i>1</i>
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	<i>2</i>
1.3.1 Đối tượng nghiên cứu	<i>2</i>
1.3.2 Thời gian và phạm vi nghiên cứu	<i>2</i>
4. Phương pháp nghiên cứu	<i>2</i>
5. Kết cấu của luận văn	<i>4</i>
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	<i>5</i>
1.1 Đặt vấn đề về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM	<i>5</i>
1.2 Cơ sở lý luận và định nghĩa của Incoterms 2010	<i>6</i>
1.2.1 Định nghĩa cơ bản về giao nhận hàng hóa, quy trình nhập khẩu bằng đường biển	<i>6</i>
1.2.2 Giới thiệu về Incoterms 2010 và vai trò của nó trong các giao dịch quốc tế	<i>7</i>
1.2.3 Tính chất, vai trò của Incoterms 2010 trong việc tăng tính hiệu quả cho quy trình giao nhận hàng	<i>8</i>
1.3 Những khó khăn và thuận lợi của logistics Việt Nam	<i>9</i>
1.4 Chiến lược nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2030	<i>11</i>

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUI TRÌNH GIAO NHẬN HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN.	14
2.1 Giới thiệu khái quát công ty Trans-Global Consolidation	14
Cơ cấu tổ chức	15
2.2 Đánh giá chung kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Trans- Global Consolidation VietNam	18
2.3 Thực trạng qui trình nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển công ty TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM	20
2.3.1 Hợp đồng ngoại thương (Purchase Contract)	23
2.3.2 Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	24
2.3.3 Vận đơn đường biển (Ocean Bill of Lading –B/L)	24
2.3.4 Giấy báo hàng đến (Arrival Notice)	25
2.3.5 Lệnh giao hàng (D/O - delivery order)	26
2.3.6 Giấy mượn container	26
2.3.7 Các chứng từ khác (nếu có)	26
2.3.8 Lập tờ khai hải quan về hàng hóa nhập khẩu	27
2.3.9 Chuẩn bị kho bãi, phương tiện ,công nhân bốc xếp...	27
2.4 Những ưu điểm và hạn chế của qui trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu của công ty Trans-Global.	34
* Ưu điểm .	34
* Hạn chế	34
2.5 Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường biển công ty Trans-Global Consolidation Vietnam, thuận lợi và khó khăn	35
CHƯƠNG III: CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU BẰNG CONTAINER ĐƯỜNG BIỂN	39

3.1	<i>Tiềm năng cho phát triển dịch vụ giao nhận vận tải biển ở Việt Nam</i>	39
3.2	Định hướng phát triển	39
3.3	Ma trận SWOT	40
3.4	Các giải pháp	41
3.4.1	Giải pháp trong việc kiểm tra và áp mã HS hàng hóa	41
3.4.2	Giải pháp trong việc chuẩn bị, kiểm tra chứng từ và khai báo hải quan	42
3.4.3	Giải pháp đầu tư phát triển nguồn vốn	43
3.4.4	Giải pháp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phương tiện vận tải(xe đầu kéo,xe nâng)	43
3.4.5	Giải pháp kiểm tra container	44
3.4.6	Giải pháp nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ giao nhận	45
3.5	Các kiến nghị	45
3.5.1	Đối với nhà nước	45
3.5.2	Đối với doanh nghiệp	47
	<i>Kết Luận</i>	48
	<i>TÀI LIỆU THAM KHẢO</i>	49

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ	Nghĩa Tiếng Việt
1	ROROC	Report On Receipt Of Cargo	Biên bản kết toán nhận hàng với tàu
2	CSC	Certificate of Shortlanded Cargo	Giấy chứng nhận hàng thiếu
3	COR	Cargo Outturn Report	Báo cáo hư hỏng thiếu hàng hóa
4	LR	Letter of Reservation	Thư dự kháng
5	VAT	Value Added Tax	Thuế giá trị gia tăng
6	FIATA	International Federation of Freight Forwarders Association	Liên đoàn các hiệp hội giao nhận quốc tế
7	EDI	Electronic Data Interchange	Trao đổi dữ liệu điện tử
8	THC	Terminal handling charge	Phụ phí xếp dỡ tại cảng
9	LO/LO	Lift on/lift of	Nhấc lên hạ xuống
10	CFS	Container Freight Station	Điểm giao hàng lẻ
11	B/L	Bill Of Lading	Vận đơn đường biển
12	HS code	Harmonized Commodity Description and Coding System	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa

DANH MỤC HÌNH ẢNH VÀ SƠ ĐỒ

STT	DANH MỤC HÌNH ẢNH	TRANG
1	Logo công ty	16
2	Sơ đồ cơ cấu tổ chức	17
3	Sơ đồ quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu vận chuyển bằng container đường biển	23
4	Sơ đồ đường đi của chứng từ nhập khẩu.	24

DANH MỤC BẢNG

STT	DANH MỤC BẢNG	TRANG
1	Đặc trưng của hệ thống thực hiện đơn hàng. (Nguồn phòng nhân sự)	37

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận văn

Xuất nhập khẩu đã và đang giữ vị trí hàng đầu trong hoạt động ngoại thương. $\frac{3}{4}$ trái đất được bao quanh bởi đại dương, do vậy mà vận tải Quốc tế đường biển chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc chuyên chở hàng hoá trên thị trường thế giới. So với các phương thức vận chuyển hàng hoá khác thì khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường biển chiếm gần 80% tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển trên toàn thế giới. Ngày nay, không chỉ ở các nước phát triển thì hoạt động này mới diễn ra rầm rộ, mà ở các nước đang phát triển, xu thế này ngày một phát triển mạnh.

Là một quốc gia ven biển và phát triển nhờ biển cả, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Nhiều công ty ở Việt Nam chuyên về mảng forwarding và logistics đã lần lượt ra đời, đánh dấu bước phát triển mới của ngoại thương Việt Nam.

Nhận thấy được điều này nên sau một thời gian học các môn nghiệp vụ và theo yêu cầu của Nhà trường về đợt thực tập giữa khoá, em đã quyết định xin được thực tập 3 tháng tại Công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION Việt Nam, với mong muốn sẽ có được những bài học thực tiễn và trải nghiệm thực tế trong một môi trường kinh doanh Quốc tế đầy năng động. Với kiến thức được học trên lớp cùng những thông tin hữu ích tích lũy trong thời gian thực tập, em xin chọn đề tài “Những giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả cho qui trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM” nhằm tìm hiểu và đi vào thực tế hoạt động giao nhận hàng xuất nhập khẩu, mà cụ thể hơn là quá trình thực hiện xuất khẩu hàng hoá từ Việt Nam ra các nước trên thế giới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài: Những giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả cho qui trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM. Dựa trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn về tình hình hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế cũng như các biện pháp, quy trình mà Công ty đã thực hiện nhằm khắc phục được một số yếu kém từ đó đánh giá, đưa ra những nhận định đúng đắn, phân tích và tổng hợp về khả năng thúc đẩy hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế được phát triển hơn. Đồng thời từ đó đưa ra một số giải pháp khả thi hơn và đi sát với thực tiễn hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu về những giải pháp nhằm tăng tính hiệu quả cho qui trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM

1.3.2 Thời gian và phạm vi nghiên cứu

Thời gian: Nghiên cứu được thực hiện trong khoảng thời gian tháng 02/2024-05/2024.

Phạm vi nghiên cứu : Chủ yếu tập trung đánh giá phân tích nhằm đưa ra những giải pháp để tăng tính hiệu quả giao nhận hàng nhập cho công ty. Phân tích số liệu những năm 2022,2023 và quý 1 năm 2024.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích : Cách thức sử dụng quá trình tư duy logic để nghiên cứu và so sánh các mối quan hệ đáng tin cậy giữa các dữ liệu thống kê được từ tài liệu nội bộ về hiệu quả hoạt động của công ty trong thời gian phân tích nhằm đánh giá sự hợp lý và không hợp lý của các dữ liệu.

Phương pháp thu thập số liệu: Dữ liệu chủ yếu được kế thừa và tổng hợp từ các nghiên cứu đã được nghiên cứu trên sách báo, tạp chí và các trang thông tin điện tử chính thức thuộc lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, Logistics. Báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh và các thủ tục chứng từ trong quá trình hoạt động tại công ty. Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp quan sát thực tế thông qua quá trình tiếp xúc trực tiếp với các dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế tại phòng kinh

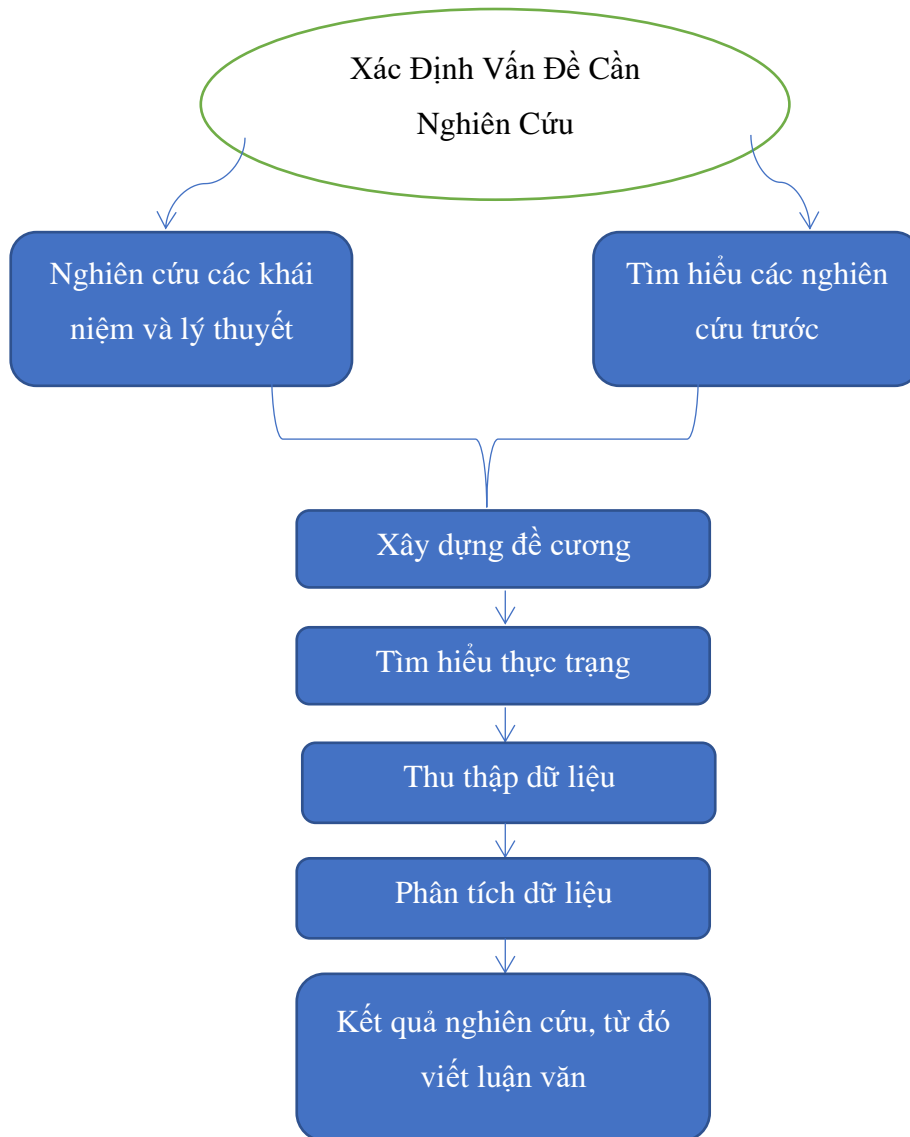
Phương pháp thống kê: Phương pháp tổng hợp thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá thực trạng về dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế của công ty .

Phương pháp phân tích: Cách thức sử dụng quá trình tư duy logic để nghiên cứu và so sánh các mối quan hệ đáng tin cậy giữa các dữ liệu thống kê được từ tài liệu nội bộ về hiệu quả hoạt động của công ty trong thời gian phân tích nhằm đánh giá sự hợp lý và không hợp lý của các dữ liệu.

Phương pháp so sánh: Tiêu chuẩn so sánh trong phạm vi Luận văn là các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ, hiệu quả sử dụng lao động, hiệu quả quản lý chi phí và kết quả đạt được của mỗi kỳ kinh doanh đã qua của công ty.

Phương pháp tổng hợp: Phương pháp này sử dụng nhằm tổng hợp lại những phân tích và so sánh để đưa ra nhận xét và đánh giá về thực trạng dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế tại công ty TNHH Trans- Global Consolidation VietNam, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế của công ty

Bài luận này thông qua cơ sở lý luận về hoạt động kinh doanh để thu thập dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, cũng như quan sát thực tế để phân tích và tổng hợp các dữ liệu có thể tiếp cận được của cơ quan và các thông tin được phép công bố của cơ quan, kết hợp với tham khảo thông tin sách, báo, tạp chí thời sự, mạng,....



5. Kết cấu của luận văn

Trong nghiên cứu đề tài, **Chương 1** của luận văn tập trung vào việc phân tích cơ sở lý thuyết liên quan đến quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển. Chương này sẽ đề cập đến các khái niệm, nguyên lý và cơ sở lý thuyết để hiểu rõ hơn về vấn đề nghiên cứu. **Chương 2** sẽ tập trung vào việc nghiên cứu thực trạng qui trình hoạt động nhập khẩu hàng bằng đường biển của TNHH Trans-Global Consolidation VietNam, từ đó đưa ra những phân tích và đánh giá cụ thể. Cuối cùng, **Chương 3** sẽ đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm cải thiện quy trình nhập khẩu hàng hóa container bằng đường biển của công ty, nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh trong ngành.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Nhập khẩu hàng hóa chính là quá trình mang hàng hoá từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam hoặc từ khu vực đặc biệt trên lãnh thổ Việt Nam được xem xét là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật (Theo điều 28, Luật Thương mại (2005)). Đây là hoạt động rất quan trọng trong phát triển kinh tế của một quốc gia, đóng vai trò trong việc duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của các ngành kinh tế khác nhau và cũng giúp tận dụng các lợi thế cạnh tranh của quốc gia, cũng như cải thiện chất lượng lao động thông qua việc chuyên môn hóa cao hơn và cân đối cán cân thanh toán quốc tế. Các hoạt động nhập khẩu hàng hóa còn đóng vai trò quan trọng trong việc mở cửa cửa khẩu thương mại, tạo cơ hội cho trao đổi thương mại quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài.

1.1 Đặt vấn đề về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM

Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại Công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến tay người tiêu dùng mà còn là tấm bản đồ chi tiết thể hiện sự phức tạp và đa chiều của ngành logistics hiện đại. Từ việc khai thác nguồn hàng, quản lý vận chuyển đến xử lý thủ tục thông quan và lưu trữ hàng hóa, mỗi bước trong quy trình giao nhận đều đòi hỏi sự chuyên nghiệp, chặt chẽ và tận tâm.

Tuy nhiên, trước bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt và yêu cầu về hiệu quả kinh doanh ngày một tăng cao, công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM đang đối diện với nhiều thách thức trong việc tổ chức và quản lý quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển. Sự không nhất quán, thi minh bạch trong thông tin và quy trình, cùng với thiếu hiệu quả trong quản lý nguồn lực đã làm giảm khả năng cạnh tranh và tạo lập một môi trường kinh doanh bền vững cho công ty.

Với những thách thức hiện tại, việc tìm kiếm những giải pháp sáng tạo và hiệu quả để cải thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng đường biển tại công ty TNHH TRANS-GLOBAL CONSOLIDATION VIETNAM trở thành một nhiệm vụ đòi hỏi sự sáng tạo, kiên trì và nỗ lực không ngừng. Để đảm bảo hoạt động của công ty luôn

đi đúng hướng và đạt được hiệu quả kinh doanh cao, việc đánh giá, điều chỉnh và tối ưu hóa quy trình giao nhận hàng là chìa khóa quan trọng để nâng cao vị thế cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

1.2 Cơ sở lý luận và định nghĩa của Incoterms 2010

1.2.1 Định nghĩa cơ bản về giao nhận hàng hóa, quy trình nhập khẩu bằng đường biển

Theo "Customs Broker Exam Study Guide & How to Start Your Own CHB Business: Thru Oct. 2013 Exam Edition" của Jon K. Sasaki giao nhận hải quan là giao nhận mà trong đó tạo điều kiện cho hàng hóa lưu thông nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm mà không có sự tham gia hiện diện của người gửi cũng như người nhận vào tác nghiệp. Giao nhận làm giảm giá thành hàng hóa xuất nhập khẩu. Giao nhận cũng giúp các nhà xuất nhập khẩu giảm bớt các chi phí không cần thiết như chi phí xây dựng kho tàng bến bãi của người giao nhận hay do người giao nhận thuê, giảm chi phí đào tạo nhân công. Giao nhận hàng hóa là hành vi thương mại, theo đó người làm dịch vụ giao nhận hàng hóa nhận hàng từ người gửi, tổ chức vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm các thủ tục giấy tờ và các dịch vụ khác có liên quan để giao hàng cho người nhận theo sự uỷ thác của chủ hàng, của người vận tải hoặc của người giao nhận khác. Nói một cách ngắn gọn, giao nhận hàng hóa là tập hợp những nghiệp vụ, thủ tục có liên quan đến quá trình vận tải nhằm thực hiện việc di chuyển hàng hóa từ nơi gửi hàng (người gửi hàng) đến nơi nhận hàng (người nhận hàng).

Logistics & Supply Chain Management" bởi Martin Christopher. Giao nhận là một hoạt động kinh tế có liên quan đến vận tải nhằm đưa hàng đến đích an toàn, là dịch vụ hải quan, là dịch vụ có liên quan đến vận tải có, là thuê mượn người vận tải, cũng có thể là người vận tải có phương tiện vận tải, có thể tham gia vận tải.

Supply Chain Logistics Management" bởi Donald J. Bowersox, David J. Closs, và M. Bixby Cooper. Giao nhận hàng hóa quốc tế là một bộ phận cấu thành quan trọng của buôn bán quốc tế là một khâu không thể thiếu được trong quá trình lưu thông nhằm đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Giao nhận hàng hóa được định nghĩa như là bất kỳ loại dịch vụ nào liên quan đến vận chuyển, gom hàng, lưu kho, bốc xếp, đóng gói hay phân phối hàng hóa cũng như các dịch vụ tư vấn hay có liên

quan đến các dịch vụ trên, kể cả các vấn đề hải quan, mua bảo hiểm, thanh toán, thu thập chứng từ liên quan đến hàng hoá.

Giao nhận giúp cho người chuyên chở đẩy nhanh tốc độ quay vòng của các phương tiện vận tải, tận dụng được một cách tối đa và có hiệu quả dung tích và tải trọng của các phương tiện vận tải, các công cụ vận tải, cũng như các phương tiện hỗ trợ khác.

Người giao nhận có thể làm các dịch vụ một cách trực tiếp hoặc thông qua đại lý và thuê dịch vụ của người thứ ba khác. Như vậy, dịch vụ giao nhận là một dịch vụ liên quan đến quá trình vận tải nhằm tổ chức việc vận chuyển hàng hóa từ nơi gửi hàng đến nơi nhận hàng .

Theo *Import/Export: How to Take Your Business Across Borders*" của Carl A. Nelson, Susan N. Grosse, Nhà xuất bản: American Management Association. Quy trình nhập khẩu bằng đường biển là quá trình vận chuyển hàng hóa từ nước sản xuất đến nước nhập khẩu thông qua đường biển. Quy trình này bao gồm các bước như chuẩn bị tài liệu, thủ tục hải quan, vận chuyển biển, thanh toán phí vận chuyển, và các quy trình liên quan đến kiểm tra an ninh và an toàn hàng hóa.

"*International Logistics: The Management of International Trade Operations*" của Pierre A. David, Nhà xuất bản: Cengage Learning. Quy trình nhập khẩu đường biển, còn được gọi là quy trình logistics đường biển nhập khẩu, là chuỗi các hoạt động và quy trình liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào một quốc gia thông qua đường biển. Quy trình này bao gồm các bước như chuẩn bị tài liệu, thủ tục hải quan, vận chuyển biển, quản lý kho bãi và các công đoạn liên quan đến xử lý hàng hóa trước và sau khi cập cảng. Để đảm bảo quy trình diễn ra suôn sẻ và hiệu quả, cần phải tuân thủ các quy định hải quan, an ninh hàng hóa và các quy chuẩn quốc tế liên quan đến vận chuyển đường biển.

1.2.2 Giới thiệu về Incoterms 2010 và vai trò của nó trong các giao dịch quốc tế

Incoterms 2010, viết tắt của International Commercial Terms, là một bộ quy tắc thương mại quốc tế do Phòng Thương mại Quốc tế (International Chamber of Commerce - ICC) ban hành. Bộ quy tắc này đã trở thành một công cụ quan trọng giúp định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán và người mua trong các giao dịch quốc tế. Incoterms 2010 bao gồm 11 thuật ngữ thương mại, mỗi thuật ngữ định nghĩa cụ

thể trách nhiệm và rủi ro của các bên trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ người bán đến người mua.

Vai trò của Incoterms 2010 không chỉ là cung cấp một ngôn ngữ chung để thảo luận và hiểu rõ các điều kiện giao hàng, mà còn giúp tránh các tranh chấp và bất đồng về trách nhiệm và rủi ro giữa các bên trong giao dịch. Bằng cách sử dụng Incoterms 2010, các bên tham gia giao dịch quốc tế có thể xác định rõ ai chịu trách nhiệm và chi phí cho việc vận chuyển, bảo hiểm, thủ tục hải quan và các yếu tố quan trọng khác.

Cụ thể, Incoterms 2010 giúp xác định vấn đề như ai chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, ai chịu trách nhiệm bảo hiểm, ai chịu trách nhiệm về chi phí hải quan, và ai chịu trách nhiệm khi hàng hóa bị mất hay hỏng trong quá trình vận chuyển. Bằng cách sử dụng Incoterms 2010, các bên có thể tránh được sự hiểu lầm và đảm bảo rằng mỗi bên hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong giao dịch quốc tế.

Với vai trò thiết yếu trong việc xác định trách nhiệm và rủi ro trong các giao dịch quốc tế, Incoterms 2010 đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho việc thực hiện các giao dịch một cách minh bạch, hiệu quả và không gây tranh cãi giữa các bên tham gia.

1.2.3 Tính chất, vai trò của Incoterms 2010 trong việc tăng tính hiệu quả cho quy trình giao nhận hàng

Incoterms 2010, với tính chất chính là các điều khoản thương mại quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong việc tăng tính hiệu quả cho quy trình giao nhận hàng trong kinh doanh quốc tế. Bằng cách xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán và người mua trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ nguồn gốc đến điểm đích, Incoterms 2010 tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các giao dịch một cách minh bạch và hiệu quả.

Vai trò của Incoterms 2010 thể hiện rõ qua việc tạo ra sự đồng nhất trong việc hiểu và thực hiện các điều khoản giao nhận hàng hóa, từ việc xác định các điều kiện giao hàng, trách nhiệm vận chuyển, chi phí bảo hiểm đến việc quản lý rủi ro trong quá trình vận chuyển và nhậm chuyển hàng hóa. Qua đó, Incoterms 2010 không chỉ giúp giảm thiểu những hiểu lầm và tranh chấp liên quan đến trách nhiệm và rủi ro trong

giao dịch quốc tế, mà còn tạo ra sự dễ dàng trong việc thảo luận và đưa ra một hợp đồng giao kèo hợp lý giữa các bên tham gia.

Đồng thời, Incoterms 2010 cũng góp phần tối ưu hóa quy trình giao nhận hàng bằng cách tạo ra sự minh bạch và nhất quán trong các quy định về vận chuyển, thông quan, bảo hiểm và chi phí liên quan. Bằng cách giúp mọi bên mở rộng cái nhìn và hiểu biết về quy trình giao nhận hàng, Incoterms 2010 tạo ra nền tảng để việc đề xuất và thực hiện các chiến lược, phương án cải tiến và tối ưu hóa quy trình giao nhận hàng trở nên dễ dàng hơn, từ đó tăng cường hiệu quả và linh hoạt trong quản lý chuỗi cung ứng.

Từ đó, có thể thấy rằng vai trò của Incoterms 2010 không chỉ dừng lại ở việc xác định trách nhiệm và rủi ro một cách minh bạch và công bằng, mà còn mở ra những cơ hội để tối ưu hóa quy trình giao nhận hàng, tăng cường tính hiệu quả và sự linh hoạt trong kinh doanh quốc tế.

1.3 Những khó khăn và thuận lợi của logistics Việt Nam

Thuận lợi: Việt Nam đang đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế thông qua cải cách cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc trở thành thành viên chính thức của WTO sẽ đưa Việt Nam trở thành quốc gia mở cửa thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Hơn 20 năm qua, chiến lược ngoại giao của nước ta đã có những thành công như: Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách và nhiều luật được đổi mới, ban hành, như Luật Khuyến khích đầu tư quốc gia, Luật khuyến khích đầu tư quốc gia, đầu tư nước ngoài, chính sách thuế, v.v. Cải cách hành chính đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam phát huy tính chủ động, sáng tạo, qua đó góp phần phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước; Đồng thời, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Chính sách đối ngoại bắt đầu gắn liền với việc khôi phục nền kinh tế đất nước và từng bước hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế quốc tế. Trong 20 năm đổi mới, Việt Nam đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 57 nước, nâng tổng số nước có quan hệ chính thức với Việt Nam lên 169 nước, quan hệ thương mại với 224/255 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ này. Định hướng chính sách đối ngoại những năm tới 2020, đặc biệt là ngoại giao phục vụ kinh tế và hội nhập quốc tế như tăng cường quan hệ đối tác hàng đầu với các nước lớn như Mỹ,

Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc... ; Tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, thủ tục hành chính rõ ràng để thực sự mở cửa thu hút đầu tư từ các đối tác trên. Ngoài ra, cần tăng cường công tác tiếp thị để tìm kiếm và mở rộng thị trường cho các đối tác này ở Trung Đông, Châu Phi và Ấn Độ. Thông qua giao lưu văn hóa, du lịch và hội thảo về chính sách mở cửa của Việt Nam, Việt Nam là điểm đến tiềm năng và đầy hứa hẹn cho các nước đang phát triển.

Khó khăn : Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của Việt Nam bao gồm hơn 17.000 km đường nhựa, gần 3.200 km đường sắt, 41.000 km đường thủy, 126 cảng biển và 135 sân bay. Tuy nhiên, chất lượng của hệ thống này không đồng đều, thấp và có chỗ chưa đảm bảo về mặt kỹ thuật. Hiện nay chỉ có khoảng 20 cảng biển có thể tham gia vận tải hàng hóa quốc tế. Các cảng đang tiến hành container hóa nhưng chỉ tiếp nhận được đội tàu nhỏ và không được trang bị thiết bị xếp dỡ container hiện đại, thiếu kinh nghiệm xếp dỡ container. hoạt động. Bản thân các công ty logistics sẽ phải chi rất nhiều tiền, làm giảm lợi nhuận cũng như khả năng mở rộng dịch vụ của mình. Điều này đã làm tăng giá thành dịch vụ logistics, ảnh hưởng tới sự phát triển và hiệu quả của dịch vụ logistics tại Việt Nam. Các hãng hàng không hiện nay cũng không có đủ phương tiện chở hàng (máy bay) để vận chuyển trong mùa cao điểm. Chỉ có sân bay Tân Sơn Nhất mới có thể tiếp nhận máy bay chở hàng quốc tế. Các sân bay quốc tế như Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng vẫn chưa có nhà ga hàng hóa, khu vực hoạt động để các đại lý logistics thu gom hàng và thông quan như các nước trên thế giới. Năng lực duy trì và phát triển đường bộ còn thấp, đường hàng không được thiết kế để vận chuyển container, đội xe tải chuyên dụng hiện đã cũ, năng lực vận tải đường sắt chưa được sử dụng hiệu quả do chưa được phát triển. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt chiếm khoảng 15% tổng khối lượng hàng hóa lưu thông. Tuy nhiên, Đường sắt Việt Nam vẫn sử dụng đồng thời hai loại khổ đường sắt khác nhau (1.000 và 1.435 mm) với tải trọng thấp. Tàu chạy nhanh nhất tuyến Hà Nội - TP.HCM (1.726 km) hiện mất 32 giờ. Và nhiều tuyến đường liên tỉnh, liên huyện đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Trang thiết bị logistics yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ; hệ thống kho rời quy mô nhỏ; Các phương tiện, thiết bị như xe nâng, xích, băng tải, hệ thống mã hóa, hệ thống đường ống, đèn chiếu sáng... nhìn chung còn thô sơ. Về hạ tầng thông tin, đây